

Số: 28 /2021/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh**



**Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng**

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 7 và khoản 2 Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ (ngoại trừ đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện cao áp trên không)**

2. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường theo tỷ lệ phần trăm (%) mức hạn chế bị ảnh hưởng do hành lang bảo vệ công trình thực tế gây ra; căn cứ vào tình hình thực tế từng dự án và mức độ ảnh hưởng từng loại công trình, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với các ngành chức năng xác định mức độ ảnh hưởng, lập dự toán kinh phí bồi thường, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt để chi trả”.

2. Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7 như sau:

**“Điều 7a. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không**

1. Đối với đất phi nông nghiệp trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không

a) Đất ở được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng là loại đất ở được quy định tại Điều 143 và Điều 144 Luật Đất đai; đất phi nông nghiệp ngoài đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

b) Diện tích đất ở được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất là diện tích đất ở thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng, mức bồi thường bằng 80% mức bồi thường thu hồi đất ở. Đối với trường hợp hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng khoảng không lớn hơn hạn mức đất ở thì phần diện tích các loại đất khác trên cùng thửa đất ở trong hành lang cũng được bồi thường, mức bồi thường bằng 80% mức bồi thường thu hồi đất cùng loại, được tính trên diện tích các loại đất khác nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng.

c) Diện tích đất phi nông nghiệp (ngoài đất ở) được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng là diện tích đất thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng (trừ diện tích đất trong cùng thửa đất ở đã quy định tại điểm b khoản này) cũng được bồi thường, mức bồi thường bằng 50% mức bồi thường thu hồi đất cùng loại được tính trên diện tích các loại đất khác nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng.

d) Đối với đất phi nông nghiệp không đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, mức bồi thường bằng 50% mức bồi thường đất cùng loại quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không chiếm dụng.



2. Đối với đất nông nghiệp trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện cao áp trên không

a) Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không thì chủ sử dụng được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc bồi thường được thực hiện một lần, mức bồi thường bằng 40% mức bồi thường thu hồi đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác, tính trên diện tích đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện cao áp trên không chiếm dụng.

b) Đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không thì chủ sử dụng được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc bồi thường được thực hiện một lần, mức bồi thường bằng 30% mức bồi thường thu hồi đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, tính trên diện tích đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện cao áp trên không chiếm dụng”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 11 như sau:

“1. Bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng lại cho từng loại mã:

- Mã đất : 5.000.000 đồng/cái.
- Mã đá, mã xây gạch bán kiên cố (thông dụng) : 9.000.000 đồng/cái.
- Mã xây gạch bán kiên cố có khuôn viên : 12.000.000 đồng/cái.
- Mã xây gạch kiên cố (có cần gạch men hoặc đá mài): 13.000.000 đồng/cái.

- Đối với mô mã, nhà mô có kết cấu kiên cố hoặc có kiến trúc phức tạp, thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xem xét, xác định mức bồi thường theo kết cấu xây dựng thực tế hoặc theo quy cấp loại nhà cho từng trường hợp cụ thể, thông qua các cơ quan chuyên ngành (ngành xây dựng chủ trì) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bố trí đất để cải táng mô mã tại nghĩa trang nhân dân cấp xã; trường hợp không có nghĩa trang nhân dân cấp xã hoặc nghĩa trang nhân dân cấp xã không còn đất cải táng thì được bồi thường bằng tiền để mua đất cải táng là 15.000.000 đồng/cái”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

**“Điều 12. Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản** (quy định chi tiết điểm b khoản 2 Điều 90 Luật Đất đai)

Trường hợp vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm; trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra, mức bồi thường được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về định mức kỹ thuật và phương pháp tính đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng; vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”.



5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 13 như sau:

“a) Mức bồi thường chung:

- Nhà ở bị giải toả có diện tích xây dựng nhỏ hơn hoặc bằng 60 m<sup>2</sup> thì được bồi thường 5.000.000 đồng/hộ.

- Nhà ở bị giải toả có diện tích xây dựng trên 60 m<sup>2</sup> đến 100 m<sup>2</sup> thì được bồi thường 10.000.000 đồng/hộ.

- Nhà ở bị giải toả có diện tích xây dựng trên 100 m<sup>2</sup> thì được bồi thường 15.000.000 đồng/hộ”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

**“Điều 14. Suất tái định cư tối thiểu đối với trường hợp quy định bằng tiền** (quy định chi tiết Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

1. Giá trị một suất tái định cư tối thiểu bao gồm giá trị suất đầu tư hạ tầng, giá trị đất nền tái định cư và giá trị nhà.

2. Giá trị suất tái định cư tối thiểu tại khu vực đô thị là 200.000.000 đồng; khu vực nông thôn 150.000.000 đồng; giá trị suất đầu tư hạ tầng tính cho một hộ gia đình tại khu vực tái định cư tập trung thuộc khu vực đô thị là 100.000.000 đồng; thuộc khu vực nông thôn là 80.000.000 đồng”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 15 như sau:

“b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này mà không chứng minh được thu nhập hàng năm thì được hỗ trợ ổn định sản xuất 7.000.000 đồng/hộ.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh nhỏ, lẻ thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này mà không có đăng ký kinh doanh (không nộp thuế môn bài) được hỗ trợ ổn định sản xuất 5.000.000 đồng/hộ”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá



nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi. Diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 129 Luật Đất đai”.

9. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 21 và khoản 1, khoản 2 Điều 21 như sau:

**“Điều 21. Hỗ trợ đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất**

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc các đối tượng sau đây được hỗ trợ một lần khi phải di chuyển đến nơi ở mới, mức hỗ trợ được tính như sau:

- a) Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang: 10.000.000 đồng/hộ.
- b) Gia đình liệt sĩ, thương, bệnh binh các hạng: 8.000.000 đồng/hộ.
- c) Gia đình có công với cách mạng: 6.000.000 đồng/hộ.
- d) Hộ gia đình neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn: 5.000.000 đồng/hộ.

Các đối tượng chính sách quy định tại khoản này (trừ trường hợp hộ gia đình neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn) phải có giấy chứng nhận theo quy định. Trường hợp hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách được hưởng thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất; đối với trường hợp hộ gia đình neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn phải có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

2. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định

Hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt và bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định theo Thông báo của cơ quan có thẩm quyền và tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và công trình, cây trồng và hoa màu từ 2.500.000 đồng trở lên thì được hỗ trợ với mức là 4% giá trị bồi thường, hỗ trợ nhưng không vượt quá quy định sau:

- a) Hộ chỉ thiệt hại về đất: 4.000.000 đồng/hộ.
- b) Hộ chỉ thiệt hại về nhà, công trình: 4.000.000 đồng/hộ.
- c) Hộ bị thiệt hại về đất làm ảnh hưởng một phần nhà, công trình: 5.000.000 đồng/hộ.
- d) Hộ bị thu hồi nhà và đất (giải toả trắng): 10.000.000 đồng/hộ”.

**Điều 2. Thay thế một số cụm từ tại một số điều của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng**



1. Thay thế cụm từ “thông qua cơ quan chuyên ngành cấp tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt” bằng cụm từ “thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt” tại khoản 3 Điều 3.

2. Thay thế cụm từ “thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt” bằng cụm từ “thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt” tại khoản 2 Điều 6.

3. Thay thế cụm từ “trình UBND tỉnh phê duyệt” bằng cụm từ “thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt” tại khoản 2 Điều 7.

4. Thay thế cụm từ “trên cơ sở phương án được Sở chuyên ngành thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt” bằng cụm từ “tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp các ngành chức năng xác định mức độ ảnh hưởng, lập dự toán kinh phí bồi thường, thông qua cơ quan chuyên ngành thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt” tại khoản 2 Điều 13.

### **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 9 năm 2021.

2. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

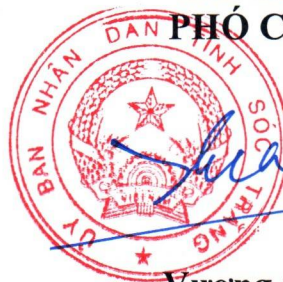
#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- VKSND tỉnh, TAND tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH Sóc Trăng;
- Phòng TN&MT các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất TPST;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT. *(16b)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Quốc Nam**